TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/HS-PT
Ngày: 19 -9 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 156/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Phan Trọng H do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2024/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Phan Trọng H, sinh năm 1976 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ A, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Trọng N và bà Cao Thị T *(Cả hai đều đã chết)*; vợ Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1980; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng N2, sinh năm 1982; nơi cư trú: 13 A-HTT22, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị; không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, bà Lâm Thị Minh T1 mua một mảnh vườn có diện tích 3.751m^2 thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 13, thị trấn L, huyện B nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ 12, thị trấn L, huyện B; thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng trên đất được trồng cây Cà phê đã cho thu hoạch. Đến tháng 11-2022, bà T1 chuyển nhượng thửa đất cùng tài sản gắn liền với đất trên cho bà Nguyễn Thị Hồng N2, do bà N2 ở xa nên nhờ bà T1 quản lý, trông coi thửa đất.

Đến khoảng giữa tháng 10-2023, Phan Trọng H *(Có vườn tiếp giáp với vườn của bà N2)* gọi điện thoại cho bà T1 nói *"Cho anh xin chặt 01, 02 cây cà phê để làm sân phơi"* thì bà T1 trả lời *"Không được"*. Do chuẩn bị bước vào mùa thu hoạch Cà phê năm 2023 nhưng không có sân để phơi Cà phê nên H nảy sinh ý định cưa, chặt cây Cà phê trên đất của bà N2 để làm sân phơi.

Vài ngày sau, khi trên đường đi vào vườn thì H thấy có nhóm người đang xếp củi Cà phê ở bên đường khu vực gần trạm Ban quản lý rừng thuộc tổ A, thị trấn L, huyện B nên dừng lại nói với 01 người đàn ông *(Chưa xác định được nhân thân, lai lịch)* đang cắt củi Cà phê *"Có lấy củi cà phê không, diện tích khoảng hơn 01 sào, chỉ cần cưa cây để làm sân phơi còn củi thì tôi cho"* người đàn ông trên đồng ý. Sau đó, H dẫn người đàn ông trên đến vườn Cà phê của bà N2 để xem vườn. Đến sáng hôm sau có 03 người gồm 02 nam và 01 nữ *(Chưa xác định được nhân thân, lai lịch),* trong đó có 01 người mà H đã dẫn đến từ hôm trước để xem vườn, nhóm người trên đi 02 xe máy mang theo 02 cưa máy đi đến vườn bà N2. Tại đây, H nói *"Đây là vườn của người khác nhưng tôi đã xin cưa cây Cà phê để làm sân phơi rồi"* sau đó, H trực tiếp dẫn nhóm người trên đi chỉ ranh giới và diện tích cưa cây Cà phê, H yêu cầu phải cưa phần thân cây sát mặt đất. Sau khi cưa cây Cà phê xong thì nhóm người trên tiến hành xếp cây Cà phê thành từng đống rồi chở đi.

Sau khi thuê người cưa cây cà phê xong, H thấy còn một số gốc cây Cà phê đang nhô cao so với mặt đất chưa đảm bảo làm sân phơi được. Trong lúc, H đang làm vườn thì thấy có 01 người đàn ông *(Chưa rõ nhân thân, lai lịch)* điều khiển xe máy cày chở theo 01 xe máy đào loại nhỏ đi ngang qua vườn nên đã thuê máy đào trên múc những gốc cây cà phê còn nhô cao bỏ sang mép vườn và san, gạt đất cho bằng phẳng để làm sân phơi với giá 2.050.000 đồng.

Đến đầu tháng 11-2023, bà T1 đi thăm vườn thì phát hiện một phần diện tích của vườn Cà phê đã bị cưa và san phẳng chỉ còn phần gốc cây Cà phê sát

mặt đất, phần thân cây Cà phê đã bị mất không còn tại hiện trường. Qua tìm hiểu, bà T1 biết được Phan Trọng H là người đã thực hiện hành vi trên nên yêu cầu H phải bồi thường thiệt hại về vụ việc trên. Tuy nhiên, sau một thời gian H không bồi thường theo như thỏa thuận nên bà T1 đã trình báo vụ việc trên đến Cơ quan Công an thị trấn L, huyện B để xử lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm đã truy tố bị cáo Phan Trọng H về tội "*Hủy hoại tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 28/2024/HS-ST ngày 05-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Trọng H phạm tội: "*Hủy hoại tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phan Trọng H 12 *(Mười hai)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 01-7-2024 bị cáo Phan Trọng H; bị hại Nguyễn Thị Hồng N2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phan Trọng H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt thì bị cáo và bị hại bổ sung kháng cáo đề nghị cho bị cáo Phan Trọng H hưởng án treo, cải tạo ngoài cộng đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bị cáo là nông dân, trình độ học vấn thấp, nhân thân tốt; phạm tội không có mục đích tư thù cá nhân; bị hại đã được được bồi thường khắc phục hậu quả, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời kháng cáo đề nghị xin cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại; sửa bản án sơ thẩm giữ mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại đúng về hình thức, nội dung, trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ, đủ cơ sở để xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội:

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như phần nội dung của bản án sơ thẩm đã đề cập; không thắc mắc, khiếu nại gì thêm đối với hành vi, hoạt động tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm. Lời khai bị cáo, bị hại phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 10-2023, bị cáo thuê người không rõ nhân thân lai lịch cưa sát mặt đất 121 cây cà phê, tại một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ 13 nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ 12, thị trấn L, huyện B có diện tích 1.349m^2 *(Theo kết quả đo đạc địa chính ngày 29-11-2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B)* của gia đình bà Nguyễn Thị Hồng N2. Sau đó, bị cáo H tiếp tục thuê máy đào múc những gốc cây Cà phê còn nhô cao bỏ sang mép vườn và san, gạt đất cho bằng phẳng với mục đích để làm sân phơi cà phê. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 102/KL-HĐĐGTS, ngày 21/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B xác định 121 cây Cà phê bị thiệt hại 100% có giá trị là 17.188.050 đồng.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm xâm phạm nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi hủy hoại nhằm sử dụng đất như trên; cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội *"Huỷ hoại tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội danh.

[4] Về hình phạt và kháng cáo:

Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ gồm phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là đầy đủ và đúng quy định. Tuy nhiên, mức án 12 tháng phạt tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo thuộc trường hợp nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo cải tạo ngoài cộng đồng không gây nguy hiểm cho xã hội; bản thân bị cáo cũng bị khuyết tật, vỡ nhãn cầu một bên mắt nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương giúp bị cáo nhận thức được hành vi phạm

tội, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội; đủ tác dục giáo dục và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ nhận định trên, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại; thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo, bị hại được chấp nhận nên bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Về các vấn đề khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị Phan Trọng H và bị hại Nguyễn Thị Hồng N2; sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo Phan Trọng H hưởn án treo.

Tuyên xử:

1. Về tội phạm và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phan Trọng H phạm tội: "*Hủy hoại tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phan Trọng H 12 *(Mười hai)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 *(Hai mươi bốn)* tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm *(Ngày 19-9-2024)*.

Giao bị cáo Phan Trọng H cho Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí,

lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Trọng H và bị hại Nguyễn Thị Hồng N2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- VKSND huyện Bảo Lâm (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bảo Lâm (01);
- Cơ quan THAHS huyện Bảo Lâm (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Hoàn

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Hoàn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- VKSND huyện Lâm Hà (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện Lâm Hà (01);
- Cơ quan THAHS huyện Lâm Hà (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Hồ sơ THAHS (01);
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Hoàn

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Hồng **Lê Thị Vân** **Nguyễn Duy Hoài**

Mẫu số 28-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN[1].....

Bản án số:..... /.....[2]/HS-PT
Ngày.....-.....-[3].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN[4]**……**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có[5]***:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).
Các Thẩm phán: Ông (Bà).
Ông (Bà)
- Thư ký phiên tòa*:* Ông (Bà)[6]
- Đại diện Viện kiểm sát [7]***……tham gia phiên tòa:***
Ông (Bà)……- Kiểm sát viên.

Trong các ngày[8]……tại[9]……xét xử phúc thẩm công khai[10] vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:…/…/TLPT-HS ngày…tháng…năm….đối với (các) bị cáo[11]……do có kháng cáo của[12]…… hoặc kháng nghị của[13]……đối với Bản án hình sự sơ thẩm số:…/…/HS-ST ngày...tháng...năm...của Tòa án[14]……

- *Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:*[15]

[16]…… sinh ngày……tháng……năm……tại……

Nơi cư trú……; nghề nghiệp……; trình độ văn hoá (học vấn)……; dân tộc:……; giới tính:……; tôn giáo:……; quốc tịch:……; con ông……và bà……; có vợ (chồng) và…… con; [17]tiền án……, tiền sự……; nhân thân……; bị bắt, tạm giam ngày[18]……

- *Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*[19]……

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:*……

……

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*: [20]

Ông (Bà)….sinh năm (hoặc tuổi)….; nơi cư trú….; nghề nghiệp….là:[21]……

……

- *Người bào chữa cho bị cáo:*[22]……

……..

- *Bị hại:*[23]……

……

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:[24]……

……

- *Nguyên đơn dân sự*:[25]……

……..

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:[26].....

……..

- Bị đơn dân sự:[27].....

……..

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:[28].....

……..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[29].....

……..

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[30].....

……..

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự,...):[31].....

……..

- Người tham gia tố tụng khác:[32].....

……..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: [33]

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: [34]

[1]……..

……..

[2]……..

……..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……[35]

[36]

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án**.**

(37)

*Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-**HS:***

(1) và (4) ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu , quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi Bản án hình sự phúc thẩm, ô thứ hai ghi năm ra Bản án hình sự phúc thẩm (ví dụ: 12/2017/HS-PT).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1) và họ tên của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì

ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) và (4). Nếu vụ án xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và ghi thêm cụm từ "và các bị cáo khác". Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mạt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(12) ghi địa vị pháp lý trong tố tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(13) ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị (nếu có).

(14) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm.

(15) không ghi các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị, nhưng toàn bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa.

(16) và (17) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(18) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(19) nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị; nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ thì chỉ cần ghi "Ngoài ra còn có (số lượng) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị". Trường hợp vụ án chỉ có một bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi "Ngoài ra còn có bị cáo (họ tên) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị".

(20) và (21) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ "là" ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(22) nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ tên của người bào chữa và nghề nghiệp (Ví dụ: Trần Văn C là Luật sư; Trần Văn D là Bào chữa viên nhân dân).

(23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30) và (31) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(32) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(33) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định trong bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(34) trong phần này, ghi nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(35) tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(36) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(37) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)